



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 29/01/2026 (Thứ Năm)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
3.6	19:56	23:15	↙
1	04:11	08:00	↗
3.4	12:31	15:30	↙
3.2	16:02	20:00	↗
3.6	21:05	00:30	↙
0.7	05:24	09:00	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Quân	EVER OMNI	9.2	195	27,025	P/s3 - CL5	03:00	//0600	A1-A6
2	M.Cường	JOSCO ALMA	6.9	146	9,972	H25 - TCHP	03:30	SR	08-12
3	Hoàn	HF WEALTH	6.1	143	9,610	P/s3 - CL7	03:00	//0600	A2-01
4	V.Hoàng	SM JAKARTA	9	168	16,850	P/s3 - BNPH	10:00	//0900	A3-TM
5	Hà	TERATAKI	10	186	29,421	P/s3 - CL4	11:30	//1300, Y/c MP	A1-A6
6	Đào	HF SPIRIT	8	162	13,267	P/s3 - CL4-5	10:00	//2100	A2-A6
7	N.Dùng	WAN HAI 291	10.4	175	20,899	P/s3 - CL7	10:30	//1330	A2-A5
8	V.Hải	DONGJIN CONFIDENT	8.8	172	18,340	P/s3 - CL1	20:00	//0000	A2-A5
9	K.Toàn	NEXOE MAERSK	10.6	199	27,733	P/s3 - CL3	21:00	Cano DL	A1-A2
10	N.Tuấn - Quang	EVER OUTWIT	10.5	195	27,025	P/s3 - CL3	20:00	Cano DL	
11	N.Hiến	VIET THUAN 56	9.6	107	3,898	H25 - CanGio	10:00	ĐX, SR	
12	Anh	PHU QUY 126	6.1	100	4,332	H25 - CanGio	10:00	ĐX, SR	
13	Giang	PVT RUBY	6	144	8,371	H25 - CanGio	12:00	ĐX	
STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Duyệt - N.Thanh	COSCO SHIPPING DENALI	10.8	366	154,300	P/s3 - CM4	04:00	Y/c MT-VTX	A9-A10-ST
2	Đ.Toàn - Chương	HMM NURI	12.4	366	125,003	P/s3 - CM3	04:30	MT-VTX	MR-KS-AWA
3	H.Trường - Trung	ZIM SCORPIO	11.5	272	74,763	CM2 - P/s3	17:00	MP	MR-KS
4	Duyệt	BRIGHT TSUBAKI	9.4	185	29,622	P/s3 - CM2	19:30	Y/c MP	KS-AWA
5	P.Thùy	AS CARLOTTA	10.5	222	28,372	CM4 - P/s3	04:00	MP-VTX	A9-A10
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai

1	Tín	LANG MAS III	3	55	499	CL2 - H25	01:00	SR	01
2	Uy	MILD SYMPHONY	8.3	148	9,929	TCHP - H25	05:30	SR	08-12
3	Nghị - N.Trường	SITC XIN	8.2	172	19,011	CL3 - P/s3	21:30		A2-TM
4	N.Minh	STARSHIP URSA	8.5	173	20,920	CL7 - P/s3	06:00	LT	A3-A5
5	Đ.Chiến	INTERASIA VISION	9.7	170	18,935	CL1 - P/s3	07:30		A2-TM
6	Đăng	CEBU	9.6	172	18,491	BNPH - P/s3	08:30		A2-TM
7	M.Hải - Diệu	TPC206-TK 02 + TPC-SL 16	2.6	190	6,257	CanGio - H25	08:00	SR	
8	P.Cần	NICOLINE MAERSK	8.5	199	27,733	CL4-5 - P/s3	13:00		A3-A5
9	P.Hung	SYMEON P	9.4	186	29,421	CL4 - P/s3	14:30		A1-A5
10	Quyển	HF WEALTH	7.3	143	9,610	CL7 - H25	13:30	SR	A2-08
11	Tân	JOSCO ALMA	8	146	9,972	TCHP - H25	14:30	SR	08-12
12	Vinh	HEUNG A HOCHIMINH	10.1	173	17,791	CL1 - P/s3	23:00		A3-A5
13	Nhật - Chính	HF SPIRIT	8.8	162	13,267	CL4-5 - P/s3	01:30		A2-A6
14	Giang	LIAN HE CAI FU	5.5	115	4,394	TCHP - H25	00:00	SR	08-12
15	Khái	SHIMANAMI BAY	7.7	186	29,796	CL3 - P/s3	23:00	Cano DL	
16	Phú	INCHEON VOYAGER	10.7	196	27,828	BP7 - P/s3	14:30	ĐX	
STT	Hoa tiêu	Tàu đời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đức	INCHEON VOYAGER	10.7	196	27,828	CL5 - BP7	06:00		A1-A6
2	V.Tùng	HEUNG A HOCHIMINH	10.2	173	17,791	BP6 - CL1	07:30		A3-A5
3	A.Tuấn	SHIMANAMI BAY	10.5	186	29,796	CL3 - CL3	08:00	Quay đầu	A2-A6

PILOTING TO SUCCESS